

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

thế quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/8

## Univèrsal Preenrichment Bírth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

### Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất phá chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Univèrsal Preenrichment Bírth
Số Danh Mục	NCM0044, 400000762, 700003077, 700003078, 700003079

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cá	[SU3] Sử dụng trng công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hặc trng các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hóa chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trng phòng thí nghiệm;
Hình thè	Được thiết kế để sử dụng trng pñ tích thông thường, bả gồm kiểm sát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trng ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Négen Crprářin
Địa chỉ nhà	620 Leshèr Pláçe Lánsing MI 48912 USA
Web	www.négen.cm
Điện thạ:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ máil:	SDS@négen.cm

#### 1.4 Điện thạ kfn cấp

24 giờ:	Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Cảnáđá) hặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hả Kỳ và Cảnáđá) hặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
---------	--

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự pñ lại hóa chất hặc hỗn hợp

2.1.2. Pñ lại (Quy định số GHS)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, sản phẩm này không được pñ lại là nguy hiệ.
---------------------------------	--

#### 2.2 Các yếu tố nhần

Cảnh bá nguy hiệ	Không có mối nguy hiệ đáng kè
------------------	-------------------------------

#### 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệ nguy hiệ khác	Bụi có thè ỹ khó chịu nếu hít phải.
---------------------------	-------------------------------------

### Phần 3. Thành phần/thông tịn về các phụ liệ

#### Hình thè

	Không có thành phần cần phải được tiết lộ thè các quy định hiệ hành. Nồng độ được liệt kè không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

#### đặc điệ hạt

# Univèrsal Preenrichment B́rth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## đặc điềm hạt

Không có thông tịn.

## Thông tịn khác

Tàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê t́ng Phần này được cung cấp t́ng Phần 16.

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sảu khị hít phải:	Đị chuyển người tiếp xúc với không khị t́ng lạnh. Nếu việc thở gấp khó khă, hãy lấy thêm khị ́xị. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp ńn tậ. Tĩm kiểm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sảu khị tiếp xúc với mắt	Rủa sạch ngay với nhiệu nước. Kính áp tròng nên được ỉ lại bỏ. Tĩm kiểm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
T́ng trường hợp tiếp xúc với dả	Cởi bỏ quần á nhiệm ỉn. Rủa bằng xà phòng và nước. Tĩm kiểm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không ỹ nôn trừ khị được t́ng tĩm kiểm sát chất độc hặc bác sĩ yều cầu làm như vậy. Rủa miệg thật kỹ. Không bả giờ chỉ bất cứ điều gì vô miệg của một người đã bất tĩng. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp t́ng và biểu hiện chậm

Sảu khị hít phải:	Có thể ỹ kích ứng chỉ hệ hô hấp.
Sảu khị tiếp xúc với mắt	Có thể ỹ kích ứng chỉ mắt.
T́ng trường hợp tiếp xúc với dả	Có thể ỹ kích ứng chỉ dả.
Nếu nuốt phải:	Ăn và có thể ỹ buồn nôn và nôn.

### 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Lại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiệm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bồng hặc triệu chứng ngộ độc. Tĩm kiểm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hặc nhấn t́ng tay.
--	---

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tịen chữa cháy

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hàn cảnh địa phương và môi trường xungquanh.

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

Tránh hình thành bụi. Không chỉ phép sản phẩm không phá lãng được xả và nước ngầm, dòng nước hặc hệ thống nước thải.

### 5.3 Lợi khuyền dành chỉ lính cứu hỏa

Không hít bụi hặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần á bả vệ hoá học.

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá ńn, t́ng thiết bị bả hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Tránh hình thành bụi. Sử dụng khị thích hợp: Thiết bị bả vệ, quần á bả hộ. Đảm bả sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc ké dài hặc lặp đi lặp lại.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu ỏn tàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiệu nước. Không xả và nước mặt. Đừg để sản phẩm ỹ ô nhiệm dưới đất.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiệu nước. Không làm nhiệm ỉn nước bằng cách làm sạch thiết bị hặc xử lý chất thải.

# Univèrsal Preenrichment B́rth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## 6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, and 13) để biết thêm thông tin.

## Phần 7. Các lưu ý khi thả tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thả tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các ́n nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiệm vụ nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nữa

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Làm theo hướng dẫn trên nhãn. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh m. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý.

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

### Thông tin khác

Tham khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

## Phần 8. Kiểm sát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm sát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

### 8.2 Kiểm sát phơi nhiễm



#### 8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

#### 8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

#### Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng khi thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.

#### Bảo vệ tay

Sử dụng khi thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nà. Rửa bên ngoài găng tay trước khi thả chúng rã.

#### Thiết bị bảo hộ khác

Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.

#### Bảo vệ hô hấp

Trng trường hợp thiếu gió, để thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.

#### Kiểm sát phơi nhiễm nghề nghiệp

Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tắm. Cung cấp trạm rửa mắt.

### Thông tin khác

Tham khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

## Univèrsal Preenrichment Bórh

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	6.1 - 6.5
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bản dự	Không có thông tin
Điềm chớp cháy/nt	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi tương đối	Không có thông tin
Mật độ / Mật độ tương đối	Không có thông tin
Độ hoà tan chất bé	Không có thông tin
Hệ số pñn tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hà tan trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính ổn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh lửa.
--	--

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

## Phần 11. Thông tin độc học

# Universal Preenrichment Bóth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## 11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng cấp tính không được đáp ứng.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng chỉ da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Có thể gây kích ứng chỉ mắt.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong Hội nghị Hà Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong Cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyên khả. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hắc hen suyễn hắc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, h, hen suyễn) là có thể.

### 11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

### 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

### 11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

### 11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

### 11.1.6. Triệu chứng cấp tính

	Dựa trên các khuyến cáo của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) về phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	--

### 11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sau khi tiếp xúc với mắt. Tình trạng tiếp xúc với da. Sau khi hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

### 11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

### 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính ở phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

### 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

### 11.1.11. Thiểu dữ liệu cụ thể

	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
--	---

# Univèrsal Preenrichment Bórh

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## 11.1.12. Hỗn hợp ó với thông tịn chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tịn.

## 11.1.13. Thông tịn khác

Không có thông tịn.

## 11.2 Thông tịn về các mối nguy hiêm khác

Không có thông tịn.

## Phần 12. Thông tịn sinh thái học

### 12.1 Độc tịn

Không có thông tịn

### 12.2 Tịn bền vững và pñ hủ

Không có thông tịn.

### 12.3 Tềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tịn.

### 12.4 Tịn biến đổi tng đất

Không có thông tịn.

### 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tịn.

### 12.6 Đặc tịn phá vỡ nội tịn

Không có thông tịn.

### 12.7 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể ch các chất hặc hỗn hợp không có sẵn.

### Thông tịn khác

Tránh xa hồ, á, hặc sụi.

## Phần 13. Các lự ý về tịêu hủ

### 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tịn thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm thè hướng dẫn trên nhãn.

#### Phương pháp xử lý

Không làm nhiệm ãn nước bằng cách làm sạch thiết bị hặc xử lý chất thải. Không xả vả nước mặt. Vứt bỏ tịn thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

#### Xử lý bả bì

Container không thè đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.  
Lự trữ tng hộp kín bần đầu cách xả thực phẩm hặc thức ăn.

#### Thông tịn khác

Thảm khả nhãn sản phẩm và / hặc gói chèn để biết thêm thông tịn. Làm thè hướng dẫn trên nhãn.

## Phần 14. Thông tịn vận chuyèn

### 14.1 Số UN

Sản phẩm không được pñ lại là nguy hiêm ch vận chuyèn.

### 14.2 Tên vận chuyèn thích hợp

Sản phẩm không được pñ lại là nguy hiêm ch vận chuyèn.

# Univèrsal Preenrichment B́rth

Phiên bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## 14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm chỉ vận chuyển.

## 14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm chỉ vận chuyển.

## 14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm chỉ vận chuyển.

## 14.6 Khuyến cáo đặc biệt chỉ người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm chỉ vận chuyển.

## 14.7 Vận tải biển số lượng lớn thê các công cụ của IMO

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm chỉ vận chuyển.

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	Liên hệ với SDS@négen.cm để biết thêm thông tin. Vui lòng chỉ định quốc gia hặc khu vực với yêu cầu của bạn.  Dự luật 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reprotable tại > 0,0001% nồng độ.

## Phần 16. Các thông tin khác

### Các thông tin khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước tng các lĩnh vực sau:. 2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác. 7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bỏ gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nã. 9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học (Độ hòa tan chất bé). 9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nhóm khí).
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng tng Bảng dữ liệu an toàn	ADR / RID: Các thỏa thuận chũ Âu liên quản đến vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR). CAS số: Dịch vụ tóm tắt hóa học. LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hóa chất độc hại 2013 (Malaysia). FIFRA: Dự luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hà Kỳ. GHS: Hệ thống hài hòa tàn cầu. HCS 2012: Tiêu chũn truyền thông nguy hiểm của Hà Kỳ (sửa đổi năm 2012). IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế. ICAO: Tổ chức hàng không đn dụng quốc tế. IMDG: Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế. LD: Liệu gý tử vng. OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. OSHA: Cơ quản quản lý sức khỏe và an toàn là động Hà Kỳ. PEL: Giới hạn phơi nhiễm ch phép. REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hóa chất. STOT: Độc tính của cơ quản đích cụ thể. SVHC: Chất gý 1 ngại rất cả. DOT Hà Kỳ: Bộ Giá thông Vận tải Hà Kỳ. VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi. WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.

### Thông tin khác

**TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:** Các thông tin và khuyến nghị được nêu tng tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được ch là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nã được

## Univर्सal Preenrichment B́rth

Phiến bản 4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-11-10

## Thông tịn khác

thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hặc chính xác của Thông tịn. Hơn nữa, đ có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tịn được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình ch mục đích dự nhất của họ, trước khi sử dụng .

Trừ khi được quy định rõ ràng tng tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tịn thê các bảo hành được cung cấp ở đy, không có trách nhiệm pháp lý nả xảy rả đ việc sử dụng sản phẩm này.